

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 266/2021/HS-ST
Ngày 14-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B– TỈNH ĐỒNG NAI

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Hồ Trường D (tên gọi khác: Linh L), sinh năm 1983; Nơi sinh: thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 14/3 đường 762 Hồng Bàng, Phường x, Quận y, thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 01/12; Con ông Hồ Văn M (đã chết) và bà Hồ Thị Cẩm V; sinh năm: 1953 (còn sống); Anh chị em: không có; Vợ con: không có.

Tiền án: Ngày 16/01/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 17/2018/HS-ST).

Tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 30/9/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số: 376/2004/HS-ST)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/10/2020, đến ngày 21/10/2020, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Mai Hoàng Bảo Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: 12/50, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1996.

HKTT: tổ 45, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1957. Địa chỉ: 32/7, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1976. Địa chỉ: 55/3, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Anh D1, sinh năm 1988. Địa chỉ: 58/3, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị Nguyễn Thị V2, sinh năm 1982. Địa chỉ: 12/50, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Trường D là đối tượng sống lang thang, không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài cá nhân, vào các ngày 30/9/2020 và 10/10/2020, D đã thực hiện các vụ “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản” như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 30/9/2020, anh Mai Hoàng Bảo Q, sinh năm 1982, thường trú: 12/50, khu phố 7, phường H, thành phố B làm nghề chạy xe ôm đang chờ khách ở khu vực công viên 30/4 thuộc phường T, thành phố B thì gặp D. D rủ anh Q đi ăn tối. Khi đang ăn tại quán cơm không tên, địa chỉ 40/4, khu phố 6, phường Tân Biên, thành phố B thì cả hai gặp thêm hai người bạn quen biết ngoài xã hội của anh Q là anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964, ngụ tại khu phố 7, phường H, thành phố B và một người tên B (Không rõ địa chỉ). Cả bốn người cùng ngồi ăn tối và uống bia đến khoảng 02 giờ cùng ngày thì D nhìn thấy chìa khóa xe của anh Q để trên bàn nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F2-544.27 của anh Q. Lợi dụng lúc anh Q và mọi người không để ý, D lấy chìa khóa xe rồi đi ra mở khóa điều khiển chiếc xe trên bỏ đi đến nhà của ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1957, tại địa chỉ 32/7, khu phố 4, phường T, thành phố B nói với ông N xe của bạn D nhờ cầm. Ông N đồng ý cầm xe cho D với giá 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và hẹn hai ngày sau D phải đến chuộc lại xe nếu không chuộc ông N sẽ bán. Sau đó, D không đến theo lịch đã hẹn nên ông N đã tháo rời các bộ phận xe và bán cho khách.

Vật chứng vụ án:

Chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F2-544.27, số máy JA38E012085, số khung 3825GY03788 của anh Mai Hoàng Bảo Q không thu hồi được.

Bản kết luận định giá tài sản số 486/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: xe mô tô biển số 60F2-544.27 có giá 15.183.000 đồng (Mười lăm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng) (Bút lục 07).

Về dân sự: anh Mai Hoàng Bảo Q yêu cầu Hồ Trường D bồi thường số tiền 15.183.000 đồng (Mười lăm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng); Hiện D chưa bồi thường cho anh Q.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, chị Phạm Thị H, sinh năm 1996, ngụ tại tổ 45, khu phố 4C, phường T, thành phố Biên Hòa, mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F1-734.66 đi đến đoạn đường hẻm, trước nhà số 7/4, khu phố 2, phường T, thành phố B thì bị rơi dép, chị H dừng xe xuống nhặt dép, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện của xe. Lợi dụng lúc chị H sơ hở, D liền đi đến nổ máy điều khiển xe của chị H bỏ chạy. Chị H phát hiện chạy theo cầm ba ga xe kéo lại, D chạy được khoảng 50m thì chị H té ngã xuống đường, D tiếp tục điều khiển xe chạy về phường T, thành phố B, đến gặp và nói với anh Đinh Xuân T, sinh năm 1976, ngụ tại 55/3, khu phố 3, phường T, thành phố B là xe của em gái cần bán. Sau khi xem thấy xe có giấy tờ, anh T đồng ý mua giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau đó, anh T nhờ anh Vũ Thái T1, sinh năm 1988, ngụ tại 16A/86, khu phố 7, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa bán lại cho anh Nguyễn Anh D1, sinh năm 1988, ngụ tại 58/3, khu phố 4, phường T, thành phố B với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Khi biết xe trên do phạm tội mà có, anh D đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Ngày 12/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hồ Trường D. Tại cơ quan điều tra D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Vật chứng vụ án:

Xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F1-734.66, số máy IA31E0214582, số khung 3109EY060496, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị Phạm Thị H (Bút lục 109).

Bản kết luận định giá tài sản số 458/KL-HĐDGTS ngày 14/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: xe mô tô biển số 60F1-734.66, có giá 13.014.000 đồng (Mười ba triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng) (Bút lục 16).

Về dân sự: chị Phạm Thị H không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 245/CT-VKSBH-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Hồ Trường D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo trình bày: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì về các Bản kết luận định giá tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 171; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Trường D mức án từ 12 tháng - 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 18 tháng - 20 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ như: biên bản nhận dạng, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ ngày 30/9/2020, tại quán cơm không tên, địa chỉ 40/4 khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Hồ Trường D có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F2-544.27 của anh Mai Hoàng Bảo Q có giá trị là 15.183.000 đồng (Mười lăm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo Bản kết luận định giá tài sản số 486/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B .

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/10/2020, tại đoạn đường hẻm, trước nhà số 7/4 khu phố 2, phường T, thành phố B, Hồ Trường D đã có hành vi cướp giật chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F1-734.66 của chị Phạm Thị H có giá trị là 13.014.000 đồng (Mười ba triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng) theo Bản kết luận định giá tài sản số 458/KL-HĐĐGTS ngày 14/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B . Đến ngày 12/10/2020, Hồ Trường D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ xử lý theo quy định.

Như vậy, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản hợp pháp của anh Mai Hoàng Bảo Q có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, công khai cướp giật tài sản của chị Phạm Thị H. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng số 245/CT-VKSBH-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hồ Trường D có nhân thân xấu, đã bị xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số: 376/2004/HS-ST ngày 30/9/2004 của Tòa án nhân dân thành phố B) và 01 năm 06 tháng tù về

tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B) nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, nay lại tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm nhằm răn đe, cải tạo đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 17/2018/HS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B) chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với ông Nguyễn Minh N có hành vi cầm cố chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F2-544.27, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định ông N không biết xe trên là tài sản do D trộm cắp của người khác nên không có căn cứ để xử lý ông về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với anh Đinh Xuân T và anh Nguyễn Anh D1 có hành vi mua bán chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F1-734.66, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định anh Đinh Xuân T và anh Nguyễn Anh D1 không biết xe trên là tài sản do D cướp giật của người khác nên không có căn cứ để xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Mai Hoàng Bảo Q yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F2-544.27 theo giá trị định giá là 15.183.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Quốc số tiền nêu trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo Hồ Trường D phải bồi thường cho anh Mai Hoàng Bảo Q số tiền 15.183.000 đồng.

- Chị Phạm Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Anh D1 buộc những người đã bán cho anh chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 60F1-734.66 phải bồi thường số tiền 10.500.000 đồng. Đây là yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, anh D có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Trường D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản”;

Xử phạt Hồ Trường D 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ 12/10/2020.

2. Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Hồ Trường D trả lại số tiền 15.183.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) cho anh Mai Hoàng Bảo Quốc.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành các số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Trường D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Hồ Trường D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội – Công an thành phố B ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B ;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

